



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

**TỔNG HỢP TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI THÔNG TƯ SỐ 10/2017/TT-BTP
CỦA BỘ, NGÀNH, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Số đơn vị góp ý: 131/173 đơn vị (gồm 21/28 Bộ, ngành; 16/19 đơn vị thuộc Bộ; 60/63 Sở Tư pháp và 34/63 Cục THADS).
Tổng số nội dung góp ý: 141 ý kiến góp ý (trong đó 105 ý kiến được tiếp thu hoàn toàn, 09 ý kiến được tiếp thu một phần, 27 ý kiến không tiếp thu và đã được giải trình chi tiết)

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A		CÁC ĐƠN VỊ CÓ Ý KIẾN NHẤT TRÍ (110/132 đơn vị)					
1	1	Nhất trí hoàn toàn với nội dung Dự thảo Thông tư và không có góp ý gì thêm (gồm 73 đơn vị)	- Bộ ngành: Bộ GTVT, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ TT&TT, Ủy ban dân tộc, Viện hàn lâm Khoa học và công nghệ VN, Viện hàn lâm KHXH, Thông tấn xã Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Bộ Y tế, Ngân hàng nhà nước - Đơn vị thuộc Bộ: Vụ con nuôi, Báo	X			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			<p>- Đơn vị thuộc Bộ: Vụ con nuôi, Báo PLVN, Vụ TCCB, Cục Trợ giúp pháp lý, Thanh tra Bộ</p> <p>- Các Sở Tư pháp: Bến Tre, Bắc Giang, Bình Dương, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hải Dương, Hưng Yên, Kiên Giang, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Long An, Nam Định, Phú Thọ, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc</p> <p>- Các Cục THADS: An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Đắk Lắk, Gia Lai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Khánh Hòa,</p>				

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			Hung Yên, Lào Cai, Lai Châu, Lâm Đồng, Ninh Bình, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Tiền Giang, Yên Bái, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế, Bình Dương, Bình Thuận				
2	2	Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo và có thêm một số góp ý cụ thể. (gồm 27 đơn vị)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ ngành: Bộ Công an, Bộ Công thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường - Đơn vị thuộc Bộ: Tổng cục THADS, Cục Bồi thường nhà nước, Cục HTQTCT, Cục QLXLVPHC - Các Sở Tư pháp: Hà Nội, Bắc Giang, Đà Nẵng, Bà Rịa-Vũng Tàu, Cà Mau, Cao Bằng, Hà Giang, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Ninh Thuận, Nghệ An, Quảng 	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			Ngãi, Phú Yên, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long - Các Cục THADS: Hà Giang, Sơn La				
B		MỘT SỐ Ý KIẾN GÓP Ý CỤ THỂ					
I		Góp ý chung đối với Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 10/2017/TT-BTP					
1	3	Đề nghị bổ sung Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Thông tư số 10/2017/TT-BTP ngày 26/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp. Trên cơ sở kết quả tổng kết, tập hợp những khó khăn, vướng mắc làm cơ sở để ban hành Thông tư thay thế.	Bộ Công an	x			Nội dung này đưa vào trong Tờ trình
2	4	DT TT mới của BTP có cắt giảm 26/82 chỉ tiêu cũ và bổ sung 04 chỉ tiêu mới. Theo đó, đề nghị BTP rà soát, đánh giá kỹ việc cắt giảm các chỉ tiêu cũ và bổ sung các chỉ tiêu mới tại DT Thông tư thay thế TT số 10/2017/TT-BTP để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, chất lượng của công tác thống kê trong ngành Tư pháp và khả năng đáp ứng của hệ thống thông tin, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thống kê.	Bộ Tài chính	x			Các nội dung thuyết minh đã ghi rõ trong Tờ trình
3	5	Đề nghị bổ sung Tờ trình dự thảo Thông tư trong đó nêu rõ: Sự cần thiết phải ban	Bộ Công an	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		hành Thông tư; Mục đích, quan điểm chỉ đạo trong việc ban hành Thông tư					
4	6	Đề nghị đơn vị rà soát DT và Phụ lục kèm theo để đảm bảo phù hợp với Luật Thống kê năm 2015 (sửa đổi năm 2021); Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê; Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.	Vụ PLQT	x			
5	7	Về trình tự, thủ tục ban hành đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015(sửa đổi năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 ; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024)	Vụ PLQT	x			
6	8	Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, tham vấn ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan để xây dựng Thông tư đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	9	Dự thảo Thông tư đề xuất nhiều nội dung sửa đổi, bãi bỏ và bổ sung nhiều nội dung thống kê nhưng thiếu phần thuyết minh về lý do thay đổi. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thuyết minh lý do cụ thể cho việc đề xuất sửa đổi, bãi bỏ hoặc bổ sung đối với từng nội dung thống kê.	Bộ Khoa học và Công nghệ	x			Nội dung này đã nêu chi tiết trong Tờ trình và phụ lục đính kèm
1		<i>Sự cần thiết ban hành</i>					
1.1	10	Việc xây dựng Thông tư thay thế Thông tư 10/2017/TT-BTP là cần thiết vì quá trình thực hiện Thông tư 10/2017/TT-BTP đã bộc lộ một số bất cập ở biểu thống kê. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 94/2022/NĐ-CP 07/11/2022 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Do đó, cần xây dựng Thông tư thay thế Thông tư 10/2017/TT-BTP để đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	Thanh tra Chính phủ	x			
1.2	11	Bộ trưởng BTP ban hành TT thay thế TT số 10/2021/TT-BTP là đúng thẩm quyền và cần thiết	Sở Tư pháp An Giang	x			
2		<i>Căn cứ ban hành</i>					

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.1	12	Về căn cứ ban hành văn bản: Đề nghị trình bày căn cứ thứ nhất theo quy định tại Khoản 3 Điều 61 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “3. Căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ 14, trình bày dưới phần tên của văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm(.” Đề xuất điều chỉnh căn cứ ban hành số 1 thành “Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Căn cứ luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;”	Sở Tư pháp An Giang, Lào Cai, Ninh Thuận	x			
2.2	13	Tại căn cứ thứ tư, đề nghị điều chỉnh năm ban hành từ “ <i>Nghị định 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2023</i> ” thành “ <i>Nghị định 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022</i> ”.	- Đơn vị thuộc Bộ: Vụ PLQT - Sở Tư pháp: thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cà Mau, Lâm Đồng, Ninh Bình, Bình Định, Gia Lai	x			
2.3	14	Tại phần căn cứ ban hành “Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP”, sửa từ “trung ương” thành “Trung ương”.	Sở Tư pháp: Gia Lai, Lâm Đồng	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.4	15	Tại phần căn cứ ban hành dự thảo Thông tư, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung căn cứ “Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” (Nghị định số 62/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/8/2024).	- Bộ Công an, - Sở Tư pháp Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Ngãi, Tiền Giang - Cục QLXLVPHC	x			
2.5	16	Căn cứ 3: đề nghị viết rõ “ngày... tháng... năm...” đối với Nghị định 94/2016/NĐ-CP để sử dụng thống nhất	Sở Tư pháp Ninh Thuận	x			Ngay từ đầu Dự thảo đã viết rõ
2.6	17	Thay cụm từ “07/11/2022” tại căn cứ thứ 3 từ trên xuống thành cụm từ “ngày 07 tháng 11 năm 2022” cho thống nhất.	STP	x			
2.7	18	Đề nghị chỉnh lý căn cứ “Nghị định số 94/2022/NĐ-CP 07/11/2022” thành “Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022” cho đầy đủ.	Cục QLXLVPHC; Sở Tư pháp: Hải Phòng, Bình Định				

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.8	19	Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất cách ghi ngày tháng năm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh	x			
2.9	20	Phần căn cứ pháp lý, đề nghị viết đầy đủ ngày, tháng, năm ban hành văn bản là căn cứ pháp lý (Nghị định số 94/2022/NĐ-CP) để bảo đảm phù hợp với mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp Điện Biên	x			
2.10	21	- Do dự thảo Thông tư là văn bản quy phạm pháp luật, kính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung căn cứ: + Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020. + Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh			x	Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định “Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”. Theo đó, VBQPPL quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành Thông tư là <i>Nghị định 98/2022/NĐ-CP; VBQPPL</i> có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành Thông tư

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.					này là Luật thống kê và các VB hướng dẫn thi hành Luật Thống kê..
3		<i>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</i>					
3.1	22	Tại khoản 2 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng), đề nghị bổ sung từ “cá nhân” vào sau cụm từ “đối với cơ quan, tổ chức” để bao quát đầy đủ các đối tượng áp dụng của Thông tư.	- Đơn vị thuộc Bộ: Cục KTVBQPPL - Sở Tư pháp Lâm Đồng	x			
3.2	23	Khoản 2 Điều 1, đề nghị sửa như sau để bảo đảm đầy đủ đối tượng áp dụng của dự thảo Thông tư “Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện thống kê ngành Tư pháp”.	Sở Tư pháp Điện Biên	x			Tiếp thu theo hướng bổ sung từ “cá nhân” vào sau cụm từ “đối với cơ quan, tổ chức”
3.3	24	Tại Điều 1 và Điều 3 dự thảo Thông tư, đề nghị thống nhất cụm từ “Danh mục chỉ	Bộ Công thương			x	Danh mục chỉ tiêu và nội dung chỉ tiêu thống kê là 2 khái niệm khác nhau không thể đồng nhất được.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		tiêu thống kê ngành Tư pháp” và “Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp”.					(Khoản 10 Điều 3 Luật Thống kê 2015 quy định: “Hệ thống chỉ tiêu thống kê gồm danh mục và nội dung chỉ tiêu thống kê”).
4		Điều 2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp					
4.1	25	Tên gọi Điều 2 của Dự thảo Thông tư (“Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp”) dễ dẫn đến cách hiểu: nội dung Điều 2 quy định tất cả các vấn đề liên quan đến Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp (gồm: ý nghĩa, vai trò, mục đích, cơ cấu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp). Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc chỉnh lý tên Điều 2 Dự thảo Thông tư hoặc nghiên cứu gộp Điều 3 vào Điều 2 của Dự thảo Thông tư để thống nhất chung một quy định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp.	Văn phòng Bộ	x			
4.2	26	Tại khoản 1 Điều 2 (Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp), đề nghị: - Chỉnh lý cụm từ “phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp, chính quyền địa phương và” thành “phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước khác”.	Cục KTVBQPPL				Tiếp thu theo hướng: “phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước khác”

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4.3	27	Chỉnh lý cụm từ “đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê về ngành Tư pháp của các tổ chức, cá nhân” thành “đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê về ngành Tư pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân”.	Cục KTVBQPPL	x			
4.4	28	Tại Điều 2 dự thảo Thông tư đề nghị bổ sung “ <i>Mỗi chỉ tiêu gồm ... Đơn vị (thuộc Bộ Tư pháp) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp, những nội dung khác theo quy định của Luật Thống kê và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.</i> ”.	Bộ Công thương	x			Đã tiếp thu theo hướng bổ sung: “Mỗi chỉ tiêu gồm: khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu và đơn vị (thuộc Bộ Tư pháp) <i>chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp</i> ”.
5		Điều 3. Cơ cấu Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp					
5.1	29	Theo khoản 10 Điều 3 Luật Thống kê, Hệ thống chỉ tiêu thống kê gồm danh mục và nội dung chỉ tiêu thống kê. Trong đó, Danh mục chỉ tiêu thống kê gồm: mã số, nhóm, tên chỉ tiêu. Nội dung chỉ tiêu thống kê gồm: khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu của chỉ tiêu thống kê và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp. Đối chiếu với Điều 3 Dự thảo Thông tư và Dự thảo Phụ lục, Văn phòng Bộ nhận thấy Dự thảo Thông tư chưa thống nhất với quy định tại Luật Thống kê. Cụ thể: - Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 3 Dự thảo	Văn phòng Bộ	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>Thông tư thừa “số thứ tự” và thiếu “nhóm chỉ tiêu” so với quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Thống kê.</p> <p>- Nội dung các chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp quy định tại khoản 2 Điều 3 Dự thảo Thông tư thiếu “kỳ công bố”, “cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp” so với quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Thống kê.</p> <p>Đề nghị đơn vị soạn thảo bám sát quy định của Luật Thống kê để bổ sung, chỉnh lý Điều 3 Dự thảo Thông tư.</p>					
5.2	30	Tại khoản 2 Điều 3: thay cụm từ “và những nội dung khác theo quy định của Luật thống kê” thành cụm từ “kỳ công bố và đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp” cho cụ thể.	STP Cà Mau	x			
5.3	31	Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư trình bày “1. Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp được quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này, được phân chia theo nhóm lĩnh vực, gồm: số thứ tự, mã số, tên chỉ tiêu.” là chưa phù hợp với nội dung Phụ lục I kèm theo dự thảo quy định Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp được phân chia thành 03 cột: số thứ tự; mã số; nhóm, tên chỉ tiêu.	Sở Tư pháp Quảng Ngãi	x			Đã sửa thành “Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp được quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này, gồm: mã số, nhóm, tên chỉ tiêu”
5.4	32	Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Thông tư, đề nghị trình bày lại theo hướng “... Mỗi chỉ tiêu gồm: khái niệm, phương pháp tính,	Sở Tư pháp Quảng Ngãi	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu và đơn vị (thuộc Bộ Tư pháp) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.</i> ” để nội dung của dự thảo được cụ thể, phù hợp với quy định tại Phụ lục II kèm theo.					
6		<i>Điều 4. Tổ chức thực hiện</i>					
6.1	33	Tại điểm a khoản 1 Điều 4, nhằm đảm bảo nội dung được rõ ràng, thống nhất, đề nghị: Sửa “Hệ thống chỉ tiêu Ngành” thành “Hệ thống chỉ tiêu Ngành Tư pháp”.	STP Gia Lai, Ninh Thuận	x			Tiếp thu theo hướng sửa thành “ <i>Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp</i> ”
6.2	34	Sửa cụm từ “Bộ trưởng” thành “Bộ trưởng Bộ Tư pháp”. Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 4.	STP Gia Lai	x			
6.3	35	Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư, đề nghị trình bày “ <i>Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i> ” để đảm bảo tính cụ thể của dự thảo	Sở Tư pháp Quảng Ngãi	x			
7		<i>Điều 5. Điều khoản thi hành</i>					
7.1	36	Khoản 2: Đề nghị thay cụm từ “ban hành” thành cụm từ “quy định” cho chính xác theo tên gọi của văn bản.	STP Lâm Đồng	x			
7.2	37	Đề nghị bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 5 “ Điều khoản thi hành ” quy định “Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng	Tổng cục THADS	X			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		theo văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó”.					
8		Nội dung khác					
8.1	38	Đề nghị rà soát các VBQPPL, điều khoản của VBQPPL được dẫn chiếu tại dự thảo Thông tư bảo đảm cập nhật các quy định mới được sửa đổi, bổ sung.	Bộ Xây dựng	x			
8.2	39	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung thống kê của ngành Tư pháp, để đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp, chồng chéo.	Bộ Công an	x			
8.3	40	Bổ sung quy định về thời hạn thực hiện cho từng nội dung, từng đơn vị có liên quan để các đơn vị chủ trì, phối hợp có thể chủ động trong triển khai công việc; công tác triển khai văn bản được thuận tiện và đạt hiệu quả cao nhất	Trường Đại học Luật Hà Nội	x			Thông tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê Ngành không yêu cầu quy định về thời hạn thực hiện mà chỉ có quy định về thời hạn công bố. Để đảm bảo thực hiện việc công bố này, theo quy định của Luật thống kê, hằng năm Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê. Còn về đơn vị chủ trì, đơn vị phối

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							hợp đã được quy định rõ trong Phụ lục II Dự thảo Thông tư.
8.4	41	Ban hành hệ thống biểu mẫu để thống nhất thực hiện các chỉ tiêu, thuận lợi cho công tác tổng hợp. Hướng dẫn phương pháp thống kê, lấy các chỉ tiêu đảm bảo không nhầm lẫn, trùng lặp	Trường Đại học Luật Hà Nội			x	Hệ thống biểu mẫu sẽ ban hành trong Thông tư quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp
8.5	42	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 10/2017/TT-BTP ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp bãi bỏ một số chỉ tiêu thống kê. Tuy nhiên, hồ sơ gửi lấy ý kiến chưa có Tờ trình hay thuyết minh nội dung thay đổi của Dự thảo so với Thông tư số 10/2017/TT-BTP. Đề nghị Quý Bộ hoàn thiện dự thảo Tờ trình, trong đó làm rõ những nội dung thay đổi để trình Lãnh đạo Bộ Tư pháp xem xét, quyết định.	Bộ Nông nghiệp và pt nông thôn; Trường Đại học Luật Hà Nội	x			
8.6	43	Đề nghị Bộ Tư pháp cập nhật phần mềm thống kê thống nhất với Thông tư khi được ban hành bảo đảm thuận lợi trong quá trình thống kê, báo cáo số liệu	Bộ Nông nghiệp và pt nông thôn	x			Nội dung này được tiếp thu khi nâng cấp phần mềm thống kê
9		<i>Kỹ thuật soạn thảo</i>					
9.1	44	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý các lỗi chính tả trong dự thảo Thông tư (các văn bản trong dự thảo Thông tư vẫn đang sử dụng thời gian trong năm 2023). Năm ban hành tại phần	- Bộ Công an - Sở Tư pháp: An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, Bình Định,	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		số, ký hiệu văn bản và thời gian ban hành văn bản là 2023, đề nghị điều chỉnh lại thành 2024 cho phù hợp, Cụ thể: - Chính sửa “Số:.../2023/TT-BTP” thành “Số:.../2024/TT-BTP”; - Chính sửa ngày, tháng, năm ban hành văn bản là “Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2024” cho chính xác.	Quảng Ngãi, Trà Vinh, Lào Cai, Ninh Thuận, Gia Lai				
9.2	45	Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo rà soát, thống nhất cách viết hoa các cụm từ “ngành Tư pháp”, “Luật Thống kê” tại dự thảo Thông tư và các Phụ lục kèm theo; rà soát về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP).	Cục KTVBQPPL, Cục QLXLVPHC	x			
9.3	46	Cần thống nhất cách viết “ <i>ngành Tư pháp</i> ” hay “ <i>Ngành Tư pháp</i> ” trong toàn bộ dự thảo Thông tư.	Sở Tư pháp: Hải Phòng, Lào Cai, Bình Định, Quảng Ngãi, Gia Lai	x			
	47	Về đánh số trang văn bản: Tại Điều 76 Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định “Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản”, do đó, đề nghị cơ quan	STP Hậu Giang, Điện Biên	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		dự thảo điều chỉnh cho phù hợp. Ngoài ra, trong dự thảo còn một số sai sót về lỗi kỹ thuật, đề nghị cơ quan dự thảo rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa các lỗi chính tả, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.					
9.4	48	Về việc đánh số thứ tự của dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện đánh số thứ tự của dự thảo theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp Lào Cai, Gia Lai	x			Đã ghi là Dự thảo 3 (là dự thảo được gửi đến cơ quan thẩm định sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân)
9.5	49	Dưới tên văn bản bổ sung đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng từ 1/3 đến ½ độ dài của dòng chữ và đặt cân đối so với dòng chữ. Cần rà soát lại một số nội dung đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng; cỡ chữ từ 13 đến 14; khi xuống dòng, chữ đầu dòng lùi vào từ 1cm đến 1,27cm; khoảng cách giữa các đoạn	STP An Giang, STP Phú Yên	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay <i>cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên</i> ”.					
9.6	50	Dự thảo Thông tư vẫn còn có một số lỗi kỹ thuật chưa thống nhất cách viết ngày tháng năm ban hành văn bản tại phần căn cứ ban hành; có lỗi kỹ thuật về tên “ <u>Kiểu toán nhà nước</u> ” tại Mục 2 chỉ tiêu số quyết định xử phạt vi phạm hành chính (mã số 2003) tại Phụ lục II.	Cục QLXLVPHC	x			
II		Góp ý chung với Phụ lục I, II:					
	51	Đối với Phụ lục II. Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp như sau: Tại mục 1 của các chỉ tiêu về “Khái niệm, phương pháp tính”, nhiều chỉ tiêu thống kê mới chỉ đưa ra khái niệm, chưa quy định cụ thể về phương pháp tính. Do đó, đề nghị cơ quan dự thảo xem xét bổ sung đầy đủ để thuận lợi cho các đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.	STP Hà Tĩnh	x			Các chỉ tiêu nào có phương pháp tính đều được quy định
		<i>Về kỹ thuật soạn thảo</i>					
	52	Tại nội dung chú thích dưới tên của Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư trình bày “(Ban hành kèm theo dự thảo Thông tư số.../2023/TT-BTP ngày ... tháng ... năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)” là chưa phù hợp. Do vậy, đề nghị	Sở Tư pháp Quảng Ngãi, Lào Cai, Ninh Thuận, Bình Định	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		xem xét chỉnh sửa lại theo hướng “(Ban hành kèm theo Thông tư số.../2024/TT-BTP ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)” để dự thảo được phù hợp. Đồng thời, đề nghị bổ sung đường kẻ ngang dưới tên gọi của dự thảo Thông tư và dưới nội dung chú thích về việc ban hành kèm theo của Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư.					
	53	Đối với nội dung viện dẫn lần đầu các Luật tại Phụ lục II kèm theo dự thảo, đề nghị trình bày lại theo hướng ghi đầy đủ tên loại, tên gọi, số, ký hiệu của Luật; đồng thời, viết hoa chữ cái đầu tiên của tên gọi các Luật để phù hợp với quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP. Ví dụ: Khoản 1 chỉ tiêu 0101: đề nghị viết hoa chữ cái đầu tiên của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản (từ đứng liền sau từ “Luật”) để đúng với khoản 5 mục V Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.	Sở Tư pháp Quảng Ngãi, Ninh Thuận	x			
	54	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa “Luật ban hành VBQPPL” thành “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”; chỉnh sửa “Luật phổ biến, giáo dục pháp luật” thành “Luật	STP Bình Định	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>Phổ biến, giáo dục pháp luật”; chỉnh sửa “Luật nuôi con nuôi” thành “Luật Nuôi con nuôi”; chỉnh sửa “Luật hòa giải ở cơ sở” thành “Luật Hòa giải ở cơ sở”; chỉnh sửa “Luật xử lý vi phạm hành chính” thành “Luật Xử lý vi phạm hành chính”; chỉnh sửa “Luật hôn nhân và gia đình” thành “Luật Hôn nhân và gia đình”; chỉnh sửa “Luật giám định tư pháp” thành “Luật Giám định tư pháp”; chỉnh sửa “Luật đấu giá tài sản” thành “Luật Đấu giá tài sản”; chỉnh sửa “Luật trọng tài thương mại” thành “Luật Trọng tài thương mại” <i>nhằm đảm bảo phù hợp theo quy tắc viết hoa trong văn bản quy phạm pháp luật tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP là “Tên các loại văn bản: Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản trong trường hợp nói đến một văn bản cụ thể”</i></p>					
	55	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa hoàn thiện nội dung của mục “Khái niệm, phương pháp tính”: xem xét bỏ các khái niệm vì đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn, không cần thiết phải nhắc lại; hiện mục này mới chỉ có khái niệm mà chưa có nội dung đối với</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>			X	<p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành VBQPPL quy định VBQPPL không không quy định lại các nội dung đã được quy định trong VBQPPL khác. Tuy nhiên, do đối tượng áp dụng của Thông tư là cơ quan tư pháp địa phương. Nên để đảm bảo văn bản ban hành</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		phương pháp tính, không thể hiện được cách tính					được thực hiện hiệu quả cần phải quy định như vậy để đảm bảo không trái với quy định tại Luật ban hành VBQPPL
	56	Về kỹ thuật soạn thảo văn bản: rà soát lỗi kỹ thuật tại số ký hiệu văn bản, ngày tháng năm ban hành và phân căn cứ ban hành văn bản; bổ sung đánh số trang văn bản, rà soát toàn bộ văn bản, chỉnh sửa thống nhất cụm từ “ngành tư pháp” thay thế “Ngành Tư pháp” sử dụng cụm từ “hệ thống” thay thế “Hệ thống”; sửa lại tên Thông tư số 10/2017/TT-BTP tại khoản 2 Điều 5	Bộ Tài nguyên và Môi trường		x		Tiếp thu sửa thống nhất cụm từ “Ngành Tư pháp” thành “ngành Tư pháp” Riêng cụm từ “Hệ thống” chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp thì vẫn viết hoa là Hệ thống
II		Góp ý đối với các nhóm chỉ tiêu trong Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 10/2017/TT-BTP (ghi theo thứ tự lĩnh vực của Thông tư 10)					
1		Góp ý chung về các nhóm chỉ tiêu					
1.1	57	Đối với Dự thảo Phụ lục kèm theo Thông tư: Dự thảo Phụ lục được chuẩn bị kỹ về mặt nội dung, Văn phòng Bộ thống nhất với nội dung Dự thảo. Đề nghị Cục Kế hoạch – Tài chính tiếp tục rà soát, chỉnh lý một số lỗi kỹ thuật trong Dự thảo Phụ lục để văn bản hoàn thiện hơn.	Văn phòng Bộ	x			
1.2	58	Tại Phụ lục II quy định về nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp, tất cả các chỉ tiêu thống kê tại Phụ lục II đều có quy định về "khái niệm, phương pháp tính", tuy nhiên	Bộ Tài chính	x			Tiếp thu theo hướng ghi chung mục ghi chung mục "1. Khái niệm, phương pháp tính" ko tách bạch riêng tiêu mục "1.1. khái niệm" và "1.2. phương pháp tính" bên trong.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		qua rà soát cho thấy có những chỉ tiêu mà nội dung chỉ đưa ra "khái niệm" không có "phương pháp tính". Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp cân nhắc việc quy định cụm từ "phương pháp tính" đối với những chỉ tiêu nêu trên. Trong trường hợp mà chỉ tiêu có nội dung quy định đủ "khái niệm, phương pháp tính" thì nên quy định rõ như tại mục 0403 (số vụ việc hòa giải ở cơ sở), mục 0501 (số trường hợp đăng ký khai sinh trong nước)...					“Nhiều khái niệm bản thân nó đã chứa đựng phương pháp tính nên chỉ cần ghi chung mục, không cần tách và về cách trình bày thì sẽ theo Nghị định 94/2022/NĐ-CP về chỉ tiêu quốc gia: ghi chung mục "1. Khái niệm, phương pháp tính" ko tách bạch riêng tiêu mục "1.1. khái niệm" và "1.2. phương pháp tính" bên trong.
1.3		Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát thêm đề quy định cho thống nhất cụm từ "Nội dung các chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp" tại khoản 2 Điều 3 Dự thảo Thông tư và tiêu đề: "nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp" tại phụ lục II kèm theo Dự thảo	Bộ Tài chính	x			
2		Góp ý riêng đối với từng nhóm chỉ tiêu					
		01. Xây dựng, thẩm định văn bản					
		<i>Chỉ tiêu 0101</i>					
59		Tại số thứ tự 01, mã số 0101, đề nghị sửa tên chỉ tiêu “Số văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương chủ trì soạn thảo đã được ban hành” như sau “Số văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, cơ quan ngang bộ,	STP Điện Biên	x			Giữ nguyên như cũ và sau này sẽ sửa kỹ thuật tại TT03

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>địa phương chủ trì soạn thảo” và bỏ gạch đầu dòng thứ 3 để bảo đảm tính chính xác, phù hợp với khái niệm văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo đó, văn bản quy phạm pháp luật là văn bản đã được ban hành, văn bản chưa được ban hành được gọi là dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Tương tự lý do trên, đề nghị sửa tên chỉ tiêu “Số văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương chủ trì soạn thảo đã được ban hành” tại số thứ tự 01 mã số 0101 Phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Thông tư.</p>					
		<i>Chỉ tiêu 0102 Thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL; thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL</i>					
	60	<p>Phụ lục II kèm theo Dự thảo Thông tư có viện dẫn các quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Hiện nay, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP. Do đó, đề nghị rà soát, cập nhật nội dung viện dẫn vào phần mã số 0102: Thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL; thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL.</p>	<p>Bộ Xây dựng; Sở Tư pháp Tp Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Điện Biên, Hà Nam, Bình Định, Quảng Ngãi, Tiền Giang</p>	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	61	Tại gạch ngang thứ 2 khoản 1 chỉ tiêu 0102: đề nghị bổ sung từ “thuộc” sau cụm từ “tổ chức pháp chế” để quy định chặt chẽ.	Sở Tư pháp Ninh Thuận	x			
	62	Tại điểm “2. Phân tổ chủ yếu”: Đề nghị bỏ tiêu chí "Loại văn bản QPPL cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới", vì việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL hiện nay không thực hiện theo chương trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL của địa phương hàng năm, nên không biết trước văn bản QPPL cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới để thống kê.	Sở Tư pháp Khánh Hòa			x	
		02. Kiểm tra, rà soát văn bản					
		<i>2.1. Tự kiểm tra văn bản (không có ý kiến góp ý)</i>					
		<i>2.2. Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền (không có ý kiến góp ý)</i>					
		<i>2.3. Rà soát VBQPPL</i>					
	63	Tại “Phân tổ chủ yếu” của chỉ tiêu thống kê về rà soát văn bản QPPL, đề nghị, bỏ cụm từ “cơ quan thuộc Chính phủ” vì theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi	Cục KTVBQPPL	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) thì cơ quan thuộc Chính phủ không có trách nhiệm thực hiện rà soát văn bản QPPL.					
	64	<i>Mục 0201. Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát:</i> Đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung “Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP” thành “Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung năm 2020)” vì Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.	STP Bình Định			x	Tại Dự thảo đã nêu rõ “Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”
	65	Tại Phụ lục I. Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp, mã số 01. 0203 về nhóm chỉ tiêu rà soát văn bản quy phạm pháp luật được sửa thành kết quả xử lý văn bản sau rà soát là chưa phù hợp với thực tế. Theo khoản 1 Điều 138 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về nguyên tắc rà soát, hệ thống hóa văn bản: “Việc rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát; không bỏ sót văn bản thuộc trách nhiệm rà soát; kịp thời xử lý kết quả rà soát; tuân thủ trình tự rà soát”. Do vậy, khi có căn cứ rà soát thì tiến hành rà soát nên việc thống kê số liệu văn bản sau xử lý để trùng lặp.	STP Hà Nội			x	Tại Dự thảo Thông tư này, phân tổ chỉ tiêu thống kê về rà soát văn bản đã được chỉnh lý tinh gọn hơn (bỏ 2 phân tổ “văn bản phải được rà soát” và “tình trạng rà soát (đã được rà soát, chưa được rà soát)”, chỉ còn lại phân tổ “VBQPPL cần xử lý, đã xử lý xong, chưa xử lý xong”. Do vậy, việc sửa tên chỉ tiêu từ “rà soát VBQPPL” thành “kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát” là phù hợp và không ảnh hưởng tới nguyên tắc rà soát VBQPPL.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	66	<p>Kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) sau rà soát: hiện nay, hoạt động rà soát có sự thay đổi lớn do có thêm nhiều nhiệm vụ rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực. Theo đó, hoạt động rà soát trong mỗi lĩnh vực không chỉ được thực hiện bởi cơ quan quản lý lĩnh vực đó như trước đây mà có thêm sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức. Vì vậy, kết quả rà soát hiện có nhiều ý kiến và đa chiều hơn, tuy nhiên, trong đó có nhiều đề xuất là mục tiêu, giải pháp để hoàn thiện chính sách trong giai đoạn mới, không phải sai sót cần xử lý. Do đó, đề nghị xây dựng chỉ tiêu tập trung vào kết quả rà soát như số lượng văn bản, số lượng ý kiến rà soát,... và không áp đặt yêu cầu xử lý theo kết quả rà soát chủ quan của các tổ chức, cá nhân.</p>	Bộ Khoa học và Công nghệ			x	<p>Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) thì: “Rà soát văn bản quy phạm pháp luật là việc xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của văn bản được rà soát với văn bản là căn cứ để rà soát, tình hình phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.”.</p> <p>Nội dung chi tiêu thông kê tại Phụ lục kèm theo dự thảo Thông tư xác định VBQPPL cần xử lý sau rà soát là “số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo quy định tại Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”. Theo đó, cơ quan có trách nhiệm rà soát đánh giá về hiệu lực, thẩm quyền ban hành, nội dung trái, chồng chéo, mâu thuẫn của văn bản được rà soát với văn bản là căn cứ rà soát hoặc không còn phù hợp</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							<p>với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kiến nghị xử lý (theo Điều 152 và 153 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP).</p> <p>Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát theo quy định tại Điều 154 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP).</p> <p>Dự thảo Thông tư không quy định áp đặt yêu cầu xử lý theo kết quả rà soát chủ quan của các tổ chức, cá nhân.</p>
		03. Phổ biến giáo dục pháp luật					
	67	<i>Mục 0301. Số tuyên truyền viên, báo cáo viên pháp luật được công nhận: Đối với nội dung khái niệm, phương pháp tính: Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung thành “Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp: là số người trong số tuyên truyền viên pháp luật /báo cáo viên pháp luật cấp huyện/ báo cáo viên pháp luật cấp</i>	STP Bình Định	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		tình/báo cáo viên pháp luật Trung ương trực tiếp tham gia làm tuyên truyền viên , báo cáo viên, trực tiếp thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật trong kỳ báo cáo” (chỉnh sửa phần in đậm, gạch chân) cho đầy đủ, chính xác.					
	68	<i>Chỉ tiêu 0301</i> . Đề nghị rà soát thống nhất ghi “tuyên truyền viên pháp luật” thay “tuyên truyền viên” để đảm bảo đúng tên gọi trong Luật PBGDPL	Cục Phổ biến giáo dục pháp luật	x			
		Tại chỉ tiêu số 0301, Phụ lục II cần làm rõ khái niệm tuyên truyền viên pháp luật được công nhận, khái niệm và phương pháp tính số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	x			
	69	Tại chỉ tiêu 0301. Số tuyên truyền viên, báo cáo viên pháp luật được công nhận có nội dung phân tổ chủ yếu là “Tình trạng phổ biến giáo dục pháp luật trực tiếp trong kỳ báo cáo” là chưa rõ ràng, cụ thể, khó xác định khi xây dựng biểu báo cáo thống kê, do đó đề nghị cơ quan dự thảo xem xét quy định chi tiết hơn đối với nội dung này.	STP Hà Tĩnh	x			Tiếp thu theo hướng sửa thành “Tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp”
	70	Tại khoản 1 chỉ tiêu 0301, Số thứ tự 03: đề nghị bổ sung đối tượng “công chức, viên chức, người lao động” sau cụm từ “phổ biến pháp luật cho cán bộ” để quy định chặt chẽ	Sở Tư pháp Ninh Thuận	x			Tiếp thu theo hướng sửa thành “Tuyên truyền viên pháp luật là những người được Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định công nhận để thực hiện nhiệm vụ phổ biến pháp luật trên địa bàn xã,

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							phường, thị trấn, nơi công nhận tuyên truyền viên pháp luật”
	71	Đề nghị xem xét giữ lại tiêu chí mã số 0303 ở Phụ lục I của Thông tư 10/2017/TT-BTP về “ <i>Tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật phát hành miễn phí</i> ” trong Phụ lục I của Dự thảo Thông tư mới. Chỉ tiêu này có thể được dễ dàng thống kê cụ thể, chính xác, do đó nên được thống kê để nắm được tình hình chung về phổ biến, giáo dục pháp luật của từng ngành, địa phương trên cả nước.	Thanh tra Chính phủ, Sở Tư pháp Lâm Đồng			x	Chỉ tiêu này chỉ nên sử dụng để quản lý ngành, không cần thiết công bố, vì vậy không đưa vào hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp nhưng có thể được thu thập thông qua chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp để phục vụ cho công tác quản lý.
	72	Đề nghị không loại bỏ tiêu chí mã số 0302 ở Phụ lục I của Thông tư 10/2017/TT-BTP “ <i>Số cuộc phổ biến giáo dục pháp luật trực tiếp, số cuộc thi tìm hiểu pháp luật</i> ” mà sửa đổi tiêu chí mã số 0302 là “ <i>số cuộc thi tìm hiểu pháp luật do cơ quan, đơn vị tổ chức</i> ” và bổ sung vào Phụ lục I của Dự thảo Thông tư mới. Chỉ tiêu này có thể được dễ dàng thống kê cụ thể, chính xác, do đó nên được thống kê để nắm được tình hình chung về phổ biến, giáo dục pháp luật của từng ngành, địa phương trên cả nước.	- Thanh tra Chính phủ - Sở Tư pháp: Lâm Đồng, Nghệ An			x	Chỉ tiêu này chỉ nên sử dụng để quản lý ngành, không cần thiết công bố, vì vậy không đưa vào hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp nhưng có thể được thu thập thông qua chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp để phục vụ cho công tác quản lý
	73	Phụ lục 1, tại số thứ tự 03, chỉ tiêu 0302: đề nghị bỏ từ “số” trước cụm từ “kinh phí” để phù hợp. Điều chỉnh tương tự với phụ lục 2	Sở Tư pháp Ninh Thuận			x	Tên chỉ tiêu thống kê có từ “số” ở đầu để thể hiện sự đo lường là phù hợp

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	74	Đề nghị bỏ chỉ tiêu 0302 về kinh phí bố trí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vì hiện nay có quy định cụ thể về kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật mà chủ yếu là từ nguồn kinh phí thường xuyên kết hợp với huy động từ nguồn xã hội hóa nên việc thống kê này là chưa phù hợp.	Bộ Công an	x			Quá trình thu thập số liệu còn nhiều khó khăn, mức độ đầy đủ và tin cậy của số liệu chưa thực sự đảm bảo tính chính xác để có thể công bố. Chỉ tiêu này chỉ nên tiếp tục được thu thập, khai thác sử dụng theo quy định tại Thông tư về chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp (Thông tư số 03/2019/TT-BTP) mà chưa thực sự cần thiết phải công bố để đưa vào Thông tư thay thế Thông tư 10/2017/TT-BTP
	75	Tại phụ lục I, số thứ tự 03 về Phổ biến giáo dục pháp luật: Chỉ tiêu “Số tuyên truyền viên, Báo cáo viên pháp luật” đề nghị giữ nguyên tên chỉ tiêu này để bảo đảm tính ngắn gọn, vì tên gọi “tuyên truyền viên, báo cáo viên” hiển nhiên chỉ dành cho các cá nhân đã được công nhận.	STP Nghệ An			x	Giữ nguyên như Dự thảo cho phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 37 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật
	76	Tại mục 3 Phụ lục 1 dự thảo Thông tư bổ sung quy định về chỉ tiêu thống kê "Số kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL". Theo tiểu mục 0302 mục 03 Phụ lục II (trang 5) dự thảo Thông tư thì chỉ tiêu kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL có nguồn số liệu là chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp. Do công tác PBGDPL được thực hiện chung với công tác như	Bộ Tài chính	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		hỗ trợ pháp lý doanh tên nghiệp, soạn thảo và ban hành văn bản QPPL, truyền thông chính sách... nên phải có hướng dẫn rõ ràng, cụ thể để tránh vướng mắc khi triển khai thực hiện. Mặt khác, việc báo cáo số kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL hiện nay đang gặp vướng mắc do kinh phí cho công tác này đang được NSNN đảm bảo, được bố trí từ nguồn chi thường xuyên cho nhiều hoạt động khác như tuyên truyền, PBGDPL, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, truyền thông chính sách, sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL, nên việc thống kê cụ thể riêng "số kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL" là phức tạp, vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp có quy định cụ thể về chỉ tiêu thống kê "Số kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL Trường hợp không quy định cụ thể được thì đề nghị BTP không quy định về chỉ tiêu thống kê "Số kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL"					
2.4		04. Hòa giải ở cơ sở					
	77	Đề nghị bổ sung phân tử " <i>Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên</i> " trong chỉ tiêu "Hòa giải ở cơ sở" với các nội dung cụ thể sau: * Khái niệm, phương pháp tính:	Cục Phổ biến giáo dục pháp luật			x	Các nội dung về kinh phí hiện tại thu thập rất khó khăn. Mức độ tin cậy chưa cao. Vì vậy tạm thời chưa đưa vào hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>Kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở (hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kinh phí từ ngân sách nhà nước: là số kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật hòa giải ở cơ sở; + Kinh phí từ sự đóng góp, hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân... để triển khai thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật hòa giải ở cơ sở. <p>* Phân tổ chủ yếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kinh phí hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> + Kinh phí từ ngân sách nhà nước; + Kinh phí đóng góp, hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân... - Kinh phí chi thù lao cho hòa giải viên <p>* Kỳ công bố: năm</p> <p>* Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp</p> <p>* Đơn vị (thuộc bộ Tư pháp) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Cục Kế hoạch - Tài chính; - Phối hợp: Cục Phổ biến giáo dục pháp luật. 					
	78	Tại dấu cộng thứ ba gạch đầu dòng thứ tư điểm 1.1 khoản 1 (0403. Số vụ việc hòa giải ở cơ sở): thay “Nghị định số	Sở Tư pháp Ninh Thuận	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ” thành “Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ”					
	79	Tại khoản 1.2 khoản chỉ tiêu 0404: đề nghị bổ sung từ “cấp” trước từ “huyện” để quy định chặt chẽ.	Sở Tư pháp Ninh Thuận	x			
	80	Tại Mục 04 (Phụ lục 1) và Mục 4 (Phụ lục II), đề nghị Bộ Tư pháp quy định thống nhất ở 2 hai phụ lục này đối với cụm từ "Hòa giải cơ sở" hoặc "Hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật"	Bộ Tài chính	x			
		<i>4.1. Chuẩn tiếp cận pháp luật</i>					
	81	Tách chỉ tiêu “Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” thành một chỉ tiêu riêng, độc lập với chỉ tiêu “Hòa giải ở cơ sở”. Vì đây không phải là tiêu chí thuộc chỉ tiêu lĩnh vực hòa giải ở cơ sở và chỉ tiêu lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật, mà là một lĩnh vực riêng do Bộ Tư pháp được Chính phủ giao phụ trách quản lý. Chỉ tiêu “Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận” sẽ gồm 2 phân tổ là: (1) Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và (2) Kinh phí bố trí cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Cục PBGDPL		x		Hiện nay chỉ tiêu chỉ tiêu “Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” đang là một chỉ tiêu riêng biệt. Chưa bổ sung phân tổ kinh phí, vì hiện tại việc thu thập số liệu về kinh phí trong các chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp rất khó khăn, không đảm bảo tính chính xác.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	82	<p>Đề nghị chuyển chỉ tiêu 0404 “Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” thành phân tổ trong chỉ tiêu “xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” và đề nghị bổ sung một số nội dung sau:</p> <p>Về phương pháp tính: Đề nghị bổ sung từ “cấp” vào cụm từ “UBND huyện”, cụ thể: “Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Thống kê số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã có quyết định công nhận của UBND <u>cấp huyện</u> trong kỳ báo cáo”.</p> <p>Về phân tổ chủ yếu: tại nội dung “Đơn vị hành chính (xã/phường/thị trấn), đề nghị bổ sung các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số xã, phường, thị trấn + Số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; + Số phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. 	Cục Phổ biến giáo dục pháp luật			x	Chưa bổ sung phân tổ kinh phí, vì hiện tại việc thu thập số liệu về kinh phí trong các chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp rất khó khăn, không đảm bảo tính chính xác.
	83	<p>Đề nghị bổ sung tiêu chí “Kinh phí bố trí cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” thành phân tổ trong chỉ tiêu “Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” với các nội dung sau:</p> <p>* Khái niệm, phương pháp tính:</p> <p>Kinh phí bố trí cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:</p>	Cục Phổ biến giáo dục pháp luật			x	Chưa bổ sung phân tổ kinh phí, vì hiện tại việc thu thập số liệu về kinh phí trong các chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp rất khó khăn, không đảm bảo tính chính xác.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: Là số kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 1,2 Điều 7 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.</p> <p>- Kinh phí từ sự đóng góp, hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân... cho các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg</p> <p>* Phân tổ chủ yếu</p> <p>Kinh phí cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí từ ngân sách nhà nước; - Kinh phí đóng góp, hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. <p>* Kỳ công bố: năm</p> <p>* Nguồn số liệu: chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp</p> <p>* Đơn vị (thuộc Bộ Tư pháp) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp</p> <p>- Chủ trì: Cục Kế hoạch - Tài chính;</p>					

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		- Phối hợp: Cục Phổ biến giáo dục pháp luật.					
		05. Hộ tịch, nuôi con nuôi					
		5.1. Hộ tịch					
		<i>5.1.1. Hộ tịch: Đăng ký trong nước</i>					
	84	<i>Mục 0505. Số cuộc đăng ký kết hôn trong nước</i> Đối với nội dung phân tổ chủ yếu: Đề nghị rà soát, bổ sung độ tuổi trung bình kết hôn lần đầu để thống kê báo cáo.	STP Bình Định			x	Cách tính tuổi kết hôn TB lần đầu do Tổng cục thống kê chủ trì thực hiện không theo cách tính trung bình cộng mà hiện nay Bộ Tư pháp thu thập. Vì vậy, chỉ tiêu này không được dùng để báo cáo chỉ tiêu thống kê quốc gia. Bên cạnh đó, số liệu do địa phương báo cáo lên cũng chưa đảm bảo được chất lượng. Vì vậy, bỏ chỉ tiêu này để giảm tải cho cho quan tư pháp địa phương
		<i>5.1.2. Hộ tịch: Có yếu tố nước ngoài (không có ý kiến góp ý)</i>					
		<i>5.1.3. Hộ tịch khác (không có ý kiến góp ý)</i>					
		5.2. Nuôi con nuôi					
	85	<i>Mục 0509. Số tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam</i> Đề nghị rà soát, chỉnh sửa đơn vị (thuộc Bộ Tư pháp) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp là: “Chủ trì: Cục Kế hoạch	STP Bình Định			x	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì số liệu này do Vụ Con nuôi trực tiếp cung cấp

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		- Tài chính. Phối hợp: Vụ Con nuôi”. Điều này nhằm đảm bảo thống nhất với các mục khác trong lĩnh vực Hộ tịch, nuôi con nuôi.					
		06. Quốc tịch					
	86	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa đơn vị (thuộc Bộ Tư pháp) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp là: “Chủ trì: Cục Kế hoạch - Tài chính. Phối hợp: Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực”. Điều này nhằm đảm bảo thống nhất với các lĩnh vực khác trong ngành Tư pháp.	STP Bình Định			x	Số liệu quốc tịch không tổng hợp từ báo cáo thống kê của các Sở Tư pháp mà do Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực từ hồ sơ đăng ký, quản lý hành chính do đơn vị chủ trì quản lý
		07. Chứng thực					
	87	Đề nghị chỉnh lý tại Phụ lục I (thuộc Phần 7. Chứng thực – tr.2) như sau: + 0701- Số bản sao chứng thực từ bản chính; + 0702- Số việc chứng thực chữ ký; chứng thực chữ ký người dịch; chứng thực hợp đồng giao dịch.	Cục HTQTCT			x	Số bản sao chứng thực từ bản chính và số việc chứng thực chữ ký, chứng thực chữ ký người dịch hiện đang thu thập tại cùng một biểu số liệu, cũng như các số liệu này đều là kết quả của hoạt động chứng thực nên không thực sự cần thiết phải tách ra thành 02 chỉ tiêu riêng biệt.
	88	Đề nghị bổ sung vào Phụ lục II (Mục 1.2 . Phương pháp tính – Phần 7. Chứng thực – tr.15) nội dung: Số việc chứng thực hợp đồng, giao dịch được tính theo số lượng loại hợp đồng, giao dịch mà cơ quan chứng thực đã chứng thực. Ví dụ: 01 người yêu cầu chứng thực hợp đồng	Cục HTQTCT	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng cho thuê nhà thì thống kê là 02 việc.					
		08. Công chứng					
	889	Về phân tổ 0802 (Số việc công chứng) Đối với phân tổ này, Cục cung cấp thông tin như sau: Dự thảo Thông tư quy định số việc công chứng gồm số việc công chứng hợp đồng, giao dịch và số việc công chứng bản dịch là phù hợp với Luật Công chứng hiện hành. Tuy nhiên, dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) đang được xây dựng theo hướng không còn việc công chứng bản dịch. Dự kiến, dự án Luật này sẽ được trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp tháng 10/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, rà soát để có quy định phù hợp.	Cục Bổ trợ tư pháp	x			Tiếp thu theo hướng bỏ việc công chứng bản dịch.
	890	Về thù lao công chứng: Khoản 9 Điều 73 Luật Giá năm 2023 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024) đã sửa đổi, bổ sung Điều 67 của Luật Công chứng năm 2014 theo hướng thay quy định về thù lao công chứng bằng giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng. Do vậy, đề nghị thay cụm từ “ <i>thù lao công chứng</i> ” bằng “ <i>giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng</i> ” để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Dự thảo Luật Công chứng	Cục Bổ trợ tư pháp STP Cao Bằng, STP Bà Rịa - Vũng Tàu	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		(sửa đổi) đang được xây dựng cũng đã cập nhật nội dung thay đổi này).					
		09. Luật sư					
	91	VỀ CHỈ TIÊU SỐ 09 (LUẬT SƯ) - TRANG 18 Về điểm 1.1 mục 1 phân tổ 0901 (Số tổ chức hành nghề luật sư): Đề nghị chỉnh lý tên phân tổ này từ “Số tổ chức hành nghề luật sư” thành “Số tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam”.	Cục Bổ trợ tư pháp	x			
	92	Về điểm 1.2 mục 1 phân tổ 0901 (Số luật sư Việt Nam hành nghề): đề nghị chỉnh lý dòng thứ 2 như sau: “Số luật sư Việt Nam và số luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư trong nước”.	Cục Bổ trợ tư pháp		X		Tiếp thu chỉnh lý và chỉnh lý thành “Số luật sư hành nghề tại tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam và số luật sư Việt Nam hành nghề với tư cách cá nhân”. Như vậy sẽ thiếu nhóm số luật sư Việt Nam làm việc trong tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam vì thực tế từ năm 2016 đã cắt giảm biểu thống kê về tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.
		10. Giám định tư pháp					
	93	Các chỉ tiêu tại mục 10. Giám định tư pháp: đề nghị Ban Soạn thảo cân nhắc bổ sung chỉ tiêu thống kê số lượng các tổ	Bộ Khoa học và Công nghệ			x	Danh sách giám định viên và tổ chức giám định đã được đăng tải trên công thông tin điện tử Bộ Tư

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		chức tham gia hoạt động giám định tư pháp (phân biệt cụ thể theo tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc) để thấy được sự tương quan, mức độ hiệu quả của các tổ chức giám định công lập, ngoài công lập và theo vụ việc.					pháp. Đề nghị không bổ sung chỉ tiêu này để giảm tải cho công tác báo cáo
		11. Đấu giá tài sản					
	94	Tại mục 11 dự thảo Phụ lục 1, đề nghị sửa đổi mã số của số thứ tự 32 “1102” thành “1103”	STP Quảng Bình	x			
	95	<i>Mục 1103. Kết quả hoạt động đấu giá tài sản tính bằng tiền</i> Đối với nội dung phân tổ chủ yếu: Đề nghị rà soát, bổ sung tiền thù lao dịch vụ đấu giá để thống kê báo cáo.	STP Bình Định			x	Nội dung này từ Thông tư số 10/2017/TT-BTP đã không quy định. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp chỉ tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình và kết quả hoạt động chủ yếu của ngành.
	96	Đề nghị bổ sung thêm chủ thể vào mục phân tổ chủ yếu của mục 1101, 1102, 1103 của Phụ lục II như sau: “2. Phân tổ chủ yếu - Loại chủ thể thực hiện việc đấu giá tài sản (Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, doanh nghiệp đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá); - Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.”	STP Hà Giang			x	Chủ thể “Hội đồng đấu giá tài sản” có từ Thông tư số 10/2017/TT-BTP và đã được cắt giảm, không thu thập số liệu từ Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp ban hành năm 2019 để giảm tải
	97	Bổ sung thêm Loại giá vào mục phân tổ chủ yếu của mục 1103 của Phụ lục II như sau:	STP Hà Giang			x	Không thu thập “giá khởi điểm của Hợp đồng” vì không thu thập “số hợp đồng đấu giá tài sản”; giá vượt

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>“2. Phân tổ chủ yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại giá (giá khởi điểm của Hợp đồng, giá khởi điểm cuộc đấu giá thành, giá trúng đấu giá, vượt khởi điểm); - Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. 					khởi điểm thì không cần thu thập, cần thiết có thể tính toán được từ “giá khởi điểm” và “giá bán”
	98	<p>Để làm rõ hiệu quả của công tác đấu giá tài sản, đề nghị bổ sung thêm 02 chỉ tiêu: Số hợp đồng dịch vụ tài sản đã ký kết và số tài sản đấu giá thành. Bên cạnh đó, đề nghị xác định rõ chỉ tiêu “số cuộc đấu giá” được hiểu là “số lần đưa tài sản ra tổ chức đấu giá” hay “số phiên/buổi tổ chức đấu giá”.</p>	STP Quảng Bình		x		Số hợp đồng dịch vụ tài sản đã ký kết đã được cắt giảm từ Thông tư 04/2016/TT-BTPKhái niệm “số cuộc đấu giá đã được chỉnh lý
		12. Trọng tài thương mại					
	99	<p>Đề nghị rà soát các VBQPPL, điều khoản của VBQPPL được dẫn chiếu tại dự thảo Thông tư bảo đảm cập nhật các quy định mới được sửa đổi, bổ sung, ví dụ: tại chỉ tiêu số 1201 Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư dẫn chiếu Điều 8, Điều 10, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại; tuy nhiên, một số điểm, khoản của các Điều này đã được bãi bỏ tại Điều 1 Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ.</p>	Bộ Xây dựng	x			
		13. Trợ giúp pháp lý					

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	100	Khoản 1.2 mã số 1301 số thứ tự 13 Phương pháp tính, đề nghị <i>bổ sung mục “ghi chú”</i> vào biểu thống kê về lượt người được trợ giúp pháp lý đồng thời quy định rõ trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được trợ giúp pháp lý khác nhau thì thống kê vào mục này. <i>Đề nghị bỏ nội dung sau:</i> “Riêng trường hợp người đã được trợ giúp pháp lý vừa là người thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số thì thống kê vào cột “vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số” và không thống kê vào cột “người thuộc hộ nghèo” hoặc cột “người dân tộc thiểu số.” vì diện được trợ giúp pháp lý có 14 đối tượng và có thể cùng một người được trợ giúp pháp lý thuộc các diện khác nhau, những trường hợp này sẽ thống kê ở mục “ghi chú” theo nội dung tham gia ý kiến nêu trên.	STP Điện Biên		x		<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị <i>bổ sung mục “ghi chú”</i> sẽ nghiên cứu đưa vào nội dung sửa đổi quy định chi tiết trong nội dung biểu mẫu. - Giữ nguyên đề nghị bỏ nội dung nhưng chỉnh lý từ “cột” thành “đối tượng” vì: (1) hướng dẫn cách thống kê đối với trường hợp người đc TGPL thuộc diện vừa nghèo, vừa là dân tộc thiểu số đảm bảo việc không bị trùng lặp khi thống kê riêng vào 2 diện tách biệt; (2) Thông tư này không có biểu mẫu nên không dùng từ cột.
	101	Tại đoạn thứ 2, gạch đầu dòng thứ 3, tiểu mục 1.2, mục 1, mục 1301, mục 13: Đề nghị sửa nội dung “Riêng trường hợp người đã được trợ giúp pháp lý vừa là người thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số” thành nội dung “ <i>Riêng trường hợp người đã được trợ giúp pháp lý vừa là người thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</i>	STP Lâm Đồng	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>khăn</i> ” cho đúng tên gọi của diện người được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017					
	102	Đề nghị sửa nội dung “thì thống kê vào cột “vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số” thành nội dung “thì thống kê vào cột “người vừa thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số” cho đúng với biểu mẫu số 24/BTP/TGPL kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.	STP Lâm Đồng	x			
	103	Khoản 1.2 mã số 1302 số thứ tự 13 Phương pháp tính, đối với những vụ việc có nhiều người thực hiện trợ giúp pháp lý cho cùng một đối tượng hoặc vụ việc phải thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý, đề nghị quy định rõ việc tính cho một người thực hiện trợ giúp pháp lý cụ thể trong số những người cùng thực hiện vụ việc. Tại gạch đầu dòng thứ 3, đề nghị sửa từ “thay đổi” thành “thay thế” để phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.	STP Điện Biên			x	Vẫn giữ nguyên từ “thay đổi” người thực hiện trợ giúp pháp lý (K5 Điều 8 Luật TGPL sử dụng thuật ngữ thay đổi, toàn bộ Luật TGPL 2017 ko có từ thay thế)
	104	Tại gạch đầu dòng thứ 2, tiểu mục 1.1, mục 1, mục 1301, mục 13: đề nghị sửa nội dung “ Khái niệm “Người được trợ giúp pháp lý” được quy định tại Điều 7	STP Lâm Đồng	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Chương II Luật TGPL năm 2017 thành nội dung “Người được trợ giúp pháp lý được quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Vì Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 không quy định khái niệm “ <i>Người được trợ giúp pháp lý</i> ” mà chỉ quy định đối tượng nào là người được trợ giúp pháp lý.					
	105	Tại gạch ngang thứ 2 “Đối tượng đã được trợ giúp pháp lý” tiêu mục 2 Mục 1301 dự thảo Phụ lục 2: Đề bảo đảm thống nhất với khái niệm “Người được trợ giúp pháp lý” quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và sử dụng khái niệm này thống nhất trong toàn bộ dự thảo, đề nghị sửa đổi cụm từ “Đối tượng đã được trợ giúp pháp lý” thành “Người đã được trợ giúp pháp lý”.	STP Quảng Bình	x			
	106	Tại cuối tiêu mục 1.2, mục 1, mục 1302, mục 13: đề nghị xem xét bổ sung nội dung “- Đơn vị tính: vụ việc trợ giúp pháp lý.” cho đầy đủ	STP Lâm Đồng	x			
	107	Chỉ tiêu trợ giúp pháp lý: - Đề nghị sửa nội dung “d13. Trợ giúp pháp lý” thành nội dung “13. Trợ giúp pháp lý”. - Tại tiêu mục 1.1, mục 1, mục 1302, mục 13: đề nghị sửa cụm từ “Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước” thành “Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước” để đáp ứng	STP Lâm Đồng	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>quy định về viết hoa trong văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Tại mục 4, mục 1302, mục 13: đề nghị sửa nội dung “cơ sở dữ liệu hành chính về TGPL” thành nội dung “cơ sở dữ liệu hành chính về trợ giúp pháp lý</p>					
	108	<p>Đề nghị xem xét việc bỏ hoàn toàn chỉ tiêu 1303. Số tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp pháp lý, nên sửa đổi chỉ tiêu này thành chỉ tiêu “Số tổ chức, cá nhân đề nghị/yêu cầu được trợ giúp pháp lý” vì đây là chỉ tiêu để so sánh tương quan với 02 chỉ tiêu 1301. Số lượt người được trợ giúp pháp lý và chỉ tiêu 1302. Số vụ việc trợ giúp pháp lý. Chỉ khi có đủ số liệu của cả 03 chỉ tiêu này, các tổ chức, cá nhân khai thác chỉ tiêu thống kê mới có được cái nhìn tổng quan về hiệu quả trợ giúp pháp lý của tổ chức, cá nhân được giao thẩm quyền trợ giúp pháp lý, tỷ lệ vụ việc, lượt người được trợ giúp pháp lý trên mỗi tổ chức, cá nhân được giao trợ giúp pháp lý và thấy được tương quan</p>	Bộ Khoa học và Công nghệ			x	<p>Việc bỏ chỉ tiêu này để đảm bảo định hướng xây dựng Thông tư theo hướng tinh gọn, cắt giảm các chỉ tiêu không đảm bảo công bố (nội dung này đã được thống nhất giữa Cục KHTC và Cục TGPL tại Công văn số 612/ TGPL-VP ngày 12/10/2023 của Cục Trợ giúp pháp lý). Trong trường hợp cần thiết, chỉ tiêu này sẽ điều chỉnh đưa vào chế độ báo cáo thống kê của ngành Tư pháp để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ và công tác quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực TGPL.</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		giữ khả năng sẵn sàng cung cấp trợ giúp pháp lý và nhu cầu cần được trợ giúp pháp lý. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý (quy định tại Thông tư 12/2018/TT-BTP) là một yêu cầu bắt buộc trong công tác quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý của các cơ quan có thẩm quyền nên việc giữ lại chỉ tiêu thống kê nêu trên sẽ giúp hoạt động đánh giá chất lượng trong công tác này hiệu quả hơn.					
		14. Lý lịch tư pháp					
	109	Mục 1401. Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp Đối với nội dung phân tổ chủ yếu: Đề nghị rà soát, bổ sung đối tượng yêu cầu cấp là “Công dân Việt Nam; người nước ngoài, cơ quan tổ tụng, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội” cho thống nhất với quy định về khái niệm, phương pháp tính của mục này.	STP Bình Định	x			
		15. Bồi thường nhà nước					
	110	Cục đề nghị sửa một số lỗi kỹ thuật tại mục 15 Phụ lục II nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp như sau: 1. Thay dấu “;” tại đoạn 2 tiểu mục 1502.1.1.1 đoạn các khái niệm “Văn bản	Cục Bồi thường nhà nước	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật; số vụ việc đã thụ lý...” 2. Thay dấu “,” bằng dấu “.” tại đoạn cuối cùng các mục 1501.2, 1502.2, 1503.2, 1504.2, 1505.2 phân tổ chủ yếu.					
		16. Đăng ký giao dịch bảo đảm					
	111	Chỉ tiêu 1601 kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm Tại mục 1601 về kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm: Đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc <i>đưa ra khỏi dự thảo</i> Phụ lục II nội dung “ <i>thông báo đăng ký thế chấp phương tiện giao thông, động sản khác theo thẩm quyền</i> ” (tại gạch đầu dòng thứ hai của chỉ tiêu 1 về khái niệm, phương pháp tính) và “ <i>Kết quả thông báo đăng ký thế chấp phương tiện giao thông, động sản khác theo thẩm quyền (thụ lý, giải quyết)</i> ” (tại gạch đầu dòng thứ năm của chỉ tiêu 1 về phân tổ chủ yếu) vì hiện nay việc thông báo đăng ký thế chấp phương tiện giao thông là một trong những hoạt động cung cấp thông tin giữa cơ quan đăng ký với	Cục ĐKQGGDBĐ	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i> cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền được quy định tại Điều 52 và 53 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Công an hoàn thiện việc thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu số về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.</i>					
	112	Chỉ tiêu 1602 kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển Tại mục 1602 về kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển: Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, cân nhắc <i>đưa ra khỏi dự thảo Phụ lục II cụm từ “cấp bản sao văn bản chứng nhận ĐKBPBĐ” 2 2</i> (tại gạch đầu dòng thứ hai của chỉ tiêu 1 về khái niệm, phương pháp tính) do hiện đang trùng lặp, nhắc lại hai lần cụm từ nêu trên.	Cục ĐKQGGDBĐ	x			
	113	Chỉ tiêu 1601, 1602, 1603, 1604 kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng các loại tài sản Đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc <i>đưa ra khỏi dự thảo Phụ lục II nội dung “hủy ĐKBPBĐ, khôi phục việc ĐKBPBĐ đã bị hủy”, “Hủy ĐKBPBĐ, khôi phục việc</i>	Cục ĐKQGGDBĐ	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>ĐKBPBĐ đã bị hủy gồm: Hủy ĐKBPBĐ; khôi phục việc ĐKBPBĐ đã bị hủy”, “Kết quả hủy ĐKBPBĐ, khôi phục việc ĐKBPBĐ đã bị hủy (thụ lý, giải quyết)”</i> (tại chỉ tiêu 1 về khái niệm, phương pháp tính và chỉ tiêu 2 về phân tổ chủ yếu thuộc các mục 1601, 1602, 1603 và 1604 chỉ tiêu kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm) vì hủy ĐKBPBĐ, khôi phục việc ĐKBPBĐ đã bị hủy không phải một trong các trường hợp trong hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm cụ thể, chỉ là một bước trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, việc thống kê số liệu này là không phù hợp.					
		17. Ủy thác tư pháp về dân sự của Bộ Tư pháp (không có ý kiến góp ý)					
		18. Pháp chế					
	114	Tại phần khái niệm về tổ chức pháp chế, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm khái niệm về “Tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập” vì khái niệm này đã được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (được bổ sung bởi	Bộ Xây dựng, STP Thành phố Đà Nẵng, Sở Tư pháp Gia Lai	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		khoản 2 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.					
	115	Tại phần phân tổ chủ yếu, dự thảo Thông tư phân thành “tổ chức pháp chế độc lập”, “bộ phận pháp chế”, “người làm công tác pháp chế”. Tuy nhiên, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP) chỉ có quy định về khái niệm của “tổ chức pháp chế” và “người làm công tác pháp chế” (không có khái niệm về bộ phận pháp chế). Trong khoản 11 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP) đề cập đến việc được thành lập tổ chức hoặc bộ phận pháp chế chuyên trách ở đơn vị sự nghiệp công lập; như vậy, khái niệm về “tổ chức pháp chế” với “bộ phận pháp chế” là không đồng nhất. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo định nghĩa cụ thể về “bộ phận pháp chế” để đảm bảo công tác kiện toàn, quản lý cũng như báo cáo thống kê về đội ngũ pháp chế được thực hiện thống nhất, đúng quy định.	STP Thành phố Đà Nẵng	x			
	116	Về dự thảo Thông tư, Bộ Ngoại giao nhận thấy có một số nội dung cần được xem xét thêm về tính khả thi. Ví dụ: liên	Bộ Ngoại giao	x			Dự thảo Thông tư đã có điều khoản chuyên tiếp “Các chỉ tiêu, phân tổ thống kê mới được quy định trong

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>quan đến việc thống kê số người làm công tác pháp chế (Mục 18 Phụ lục II Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu ngành Tư pháp), dự thảo Thông tư quy định phù hợp với nội dung khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (có hiệu lực kể từ ngày 02/7/2024), theo đó "<i>Ngạch pháp chế viên bao gồm pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp</i>". Tuy nhiên, khoản 4 Điều 4 Nghị định này quy định "<i>Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng công chức thực hiện công tác pháp chế có trách nhiệm rà soát, xét chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế sang ngạch pháp chế viên tương ứng theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức</i>". Theo kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định nêu trên được ban hành kèm theo Quyết định số 1162/QĐ-BTP ngày 24/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, dự kiến Bộ Tư pháp</p>					<p>Thông tư này được công bố và phổ biến khi các chế độ báo cáo thống kê hiện hành của ngành Tư pháp được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế” Bổ phân tổ ngạch pháp chế viên</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		sẽ xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, nâng ngạch, chuyển ngạch và xếp lương đối với các ngạch pháp chế, thời gian thực hiện là Quý IV năm 2024. Như vậy, việc thống kê số người làm công tác pháp chế theo ngạch, bậc theo quy định tại dự thảo Thông tư chỉ được thực hiện sớm nhất là khi Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, nâng ngạch, chuyển ngạch và xếp lương đối với các ngạch pháp chế được ban hành (dự kiến Quý IV/2024) và sau khi các bộ, ngành thực hiện xong việc rà soát, xét chuyển ngạch cho công tác theo quy định tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP (chậm nhất là ngày 02/7/2025). Trên cơ sở đó, Bộ Ngoại giao đề nghị Bộ Tư pháp rà soát toàn bộ các quy định tại dự thảo Thông tư để đảm bảo tính khả thi sau khi được ban hành và cần nhắc bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp phù hợp.					
	117	Đối với chỉ tiêu số 18 (Chỉ tiêu pháp chế) tại Phụ lục II (Phụ lục nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Ngành Tư pháp): a) Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của	STP Gia Lai	x			28/8/2024 Cục Kế hoạch - Tài chính đã họp với Vụ các vấn đề chung và có biên bản thống nhất. Dự thảo Thông tư sửa theo biên bản thống nhất.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế quy định: “1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau: “Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh 1. Nghị định này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế ở ... cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý nhà nước về công tác pháp chế. 2. Đối tượng áp dụng ... b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ...” Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị làm rõ thông tin cần thống kê là số tổ chức pháp chế, số người làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP hay cơ quan, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh? Theo đó, đề nghị chỉnh sửa nội dung đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP đồng thời đảm bảo thống nhất. Cụ thể chỉnh sửa tại: Nội dung “Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ</p>					

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Thủ trưởng cơ quan, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý nhà nước bằng pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của công tác pháp chế.” Nội dung “Người làm công tác pháp chế gồm: (i) Công chức được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Cán bộ được điều động, tuyển dụng vào tổ chức pháp chế ở các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân; (iii) Viên chức được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập; (iv) Nhân viên được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động vào tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước.”</p> <p>Nội dung “Các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thu thập thông tin thống kê tại: (i) tổ chức pháp chế cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) tổ chức pháp chế doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý, (iii) tổ chức</p>					

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý.”					
118		<p>Khoản 11, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP quy định: “11. Bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 như sau: “Điều 10a. Tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập ... 2. Tổ chức pháp chế, bộ phận pháp chế chuyên trách, viên chức thực hiện công tác pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế cơ quan chủ quản và chịu sự quản lý về công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.”. 13. Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau: “Điều 16a. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ...</p> <p>4. Báo cáo về công tác pháp chế theo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp, gửi Bộ Tư pháp.” Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị: Tại nội dung “Các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thu thập thông tin thống kê tại: (i) tổ chức pháp chế cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) tổ chức pháp chế doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý, (iii) tổ chức pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý.”, đề nghị làm rõ “các</p>	STP Gia Lai	x			<p>Tại biên bản thống nhất ngày 28/8/2028 đã làm rõ: tổ chức pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý (không thu thập số liệu đến cấp huyện và tương đương).</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý” gồm những đơn vị sự nghiệp công lập nào? Nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung phân công các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thu thập thông tin thống kê tại tổ chức pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP (Bộ Tư pháp quản lý về công tác pháp chế tại tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan chủ quản tổng hợp, gửi Bộ Tư pháp báo cáo về công tác pháp chế tại đơn vị sự nghiệp công lập).</i>					
		19. Thi hành án dân sự (THADS), theo dõi thi hành án hành chính					
	119	Đối với chỉ tiêu thống kê thuộc trách nhiệm báo cáo của Tổng cục THADS: Chỉ tiêu 1901 “Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc”; Chỉ tiêu 1902 “Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền”; Chỉ tiêu 1903 “Kết quả theo dõi thi hành án hành chính”, Tổng cục THADS đề xuất sửa đổi theo phụ lục gửi kèm Công văn.	Tổng cục THADS	x			Cục KHTC rà soát nội dung phụ lục để tiếp thu, đồng thời có chỉnh lý một số điểm về kỹ thuật.
	120	Đối với dự thảo tại Phụ lục số II Mục số 19 căn bổ sung, chỉnh lý, cập nhật các nội dung tại Thông tư số 05/2024/TT-BTP ngày 10/6/2024 của Bộ Tư pháp quy định	Cục THADS Bắc Giang, Cao Bằng, Hà Giang, Hà Nam, Long An, Quảng trị	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính thay thế Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019 của Bộ Tư pháp nhằm đảm bảo thống nhất các nội dung theo Thông tư mới đã có hiệu lực.					
	121	<p>Mục 1901. Phụ lục II - Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc:</p> <p>Tại phần gạch đầu dòng thứ 8 thể hiện:</p> <p>- Số việc thi hành xong là số việc mà đương sự đã thực hiện xong toàn bộ các quyền, nghĩa vụ theo quyết định thi hành án; đã tổ chức thi hành xong một phần hoặc đình chỉ một phần quyết định thi hành án, phần còn lại đã ủy thác và đã xóa sổ thụ lý; cơ quan thi hành án dân sự đã thông báo cho người được thi hành án đến nhận tiền, tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ....</p> <p>Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ hiện đã được sửa đổi bằng Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.</p>	Cục THADS Phú Thọ	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	122	1901 “Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc” 1. Khái niệm, phương pháp tính: 1.1. Khái niệm Đề nghị bổ sung trường hợp xác định số việc thi hành xong: “... là số việc mà <i>cơ quan THADS đã thực hiện xong hoặc có Quyết định đình chỉ thi hành áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của Tòa án</i> ”	Cục THADS Long An		x		Tiếp thu theo hướng chính lý khái niệm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Thông tư số 05/2024/TT-BTP ngày 10/6/2024 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính) và ý kiến góp ý của Tổng cục THADS.
	123	Mục 1.2 Phương pháp tính kết quả THADS tính bằng việc (tr45 Dự thảo) có quy định cụ thể về: Tổng số việc phải thi hành; Tổng số việc có điều kiện thi hành; Công thức tính tỉ lệ phần trăm. Tuy nhiên tại mục 1.2 Phương pháp tính Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chỉ có Công thức tính tỷ lệ phần trăm mà không có các quy định cụ thể về Tổng số tiền phải thi hành; Tổng số tiền có điều kiện thi hành tương xứng với phương pháp tính kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung cho hợp lý và thống nhất.	Cục THADS Bắc Giang	x			
	124	Qua rà soát đối chiếu giữa phụ lục của dự thảo Thông tư và Thông tư số 05/2024/TT-BTP ngày 10/6/2024 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành	Cục THADS tỉnh Sơn La	x			Tiếp thu theo hướng chính lý phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Thông tư số 05/2024/TT-BTP ngày 10/6/2024 của Bộ Tư pháp quy định chế độ

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		án hành chính còn chưa thống nhất (chi tiết theo phụ lục gửi kèm).					báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính) và ý kiến góp ý của Tổng cục THADS.
125		<p>Đối với mục 1901 đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>1.1. Về Khái niệm</p> <p>- Tổng số việc có điều kiện thi hành là số việc mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm: việc thi hành xong; việc đình chỉ thi hành án; việc đang thi hành; việc hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.</p> <p>- Việc trường hợp khác là số việc tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; việc do có trở ngại khách quan.</p> <p>+ Số việc tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo là số việc đang trong thời hạn tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định Điều 146, 157 Luật Thi hành án dân sự.</p> <p>+ Số việc trong thời hạn tự nguyện thi hành án là số việc đang trong thời hạn tự</p>	Cục THADS tỉnh Sóc Trăng	x			Tiếp thu theo hướng chính lý phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (Thông tư số 05/2024/TT-BTP ngày 10/6/2024 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính) và ý kiến góp ý của Tổng cục THADS.

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>nguyên thi hành án theo quy định tại Điều 45 Luật Thi hành án dân sự.</p> <p>+ Số việc do có trở ngại khách quan mà Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án (bão, lũ, dịch, bệnh).</p> <p>- Việc chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện thi hành án đã chuyển sổ theo dõi riêng) là số việc đang trong quá trình tổ chức thi hành các quyền, nghĩa vụ theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: việc đang thi hành; việc hoãn thi hành án (bao gồm cả hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự); việc tạm đình chỉ thi hành án; việc trường hợp khác; việc chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê trừ số việc đã chuyển sổ theo dõi riêng.</p> <p>1.2. Về phương pháp tính</p> <p>Tổng số việc có điều kiện thi hành bao gồm: việc thi hành xong, việc đình chỉ thi hành án, việc đang thi hành, việc hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật THADS.</p> <p>Tỷ lệ thi hành xong về việc (%) = ((Số việc thi hành xong + số việc đình chỉ thi hành án) : Tổng số có điều kiện thi hành án) x 100.</p>					
	126	Đối với mục 1902 đề nghị sửa lại như sau:	Cục THADS Sóc Trăng	x			Tiếp thu theo hướng chính lý phù hợp với quy định của pháp luật

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>2.1. Về Khái niệm</p> <p>- Tổng số tiền có điều kiện thi hành là số tiền mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản, bao gồm: số tiền thi hành xong; tiền đã được đình chỉ thi hành án; tiền đã có quyết định của toà án xét giảm nghĩa vụ thi hành án; tiền đang thi hành; tiền hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.</p> <p>- Tiền trường hợp khác là số tiền tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiền đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; tiền do có trở ngại khách quan.</p> <p>+ Số tiền tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo, là số tiền đang trong thời hạn tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định Điều 146, 157 Luật Thi hành án dân sự.</p> <p>+ Số tiền trong thời hạn tự nguyện thi hành án là số tiền đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 45 Luật Thi hành án dân sự.</p> <p>+ Số tiền do có trở ngại khách quan mà Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án (bão, lũ, dịch, bệnh).</p> <p>- Tiền chuyển kỳ sau (Trừ số tiền chưa có điều kiện thi hành án đã chuyển sổ theo</p>					<p>hiện hành (Thông tư số 05/2024/TT-BTP ngày 10/6/2024 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính) và ý kiến góp ý của Tổng cục THADS.</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>dôi riêng) là số tiền đang trong quá trình tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: tiền đang thi hành; tiền hoãn thi hành án (bao gồm cả hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự); tiền tạm đình chỉ thi hành án; tiền trường hợp khác; tiền chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê, trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng.</p> <p>2.2. Về phương pháp tính</p> <p>Tổng số tiền có điều kiện thi hành bao gồm: tiền thi hành xong, tiền đình chỉ thi hành án, số tiền giảm một phần nghĩa vụ THA, tiền đang thi hành, tiền hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật THADS.</p> <p>Tỷ lệ thi hành xong về việc (%) = ((Số tiền thi hành xong + số tiền đình chỉ thi hành án + số giảm một phần nghĩa vụ thi hành án) : Tổng số có điều kiện thi hành án) x 100.</p>					
		20. Xử lý vi phạm hành chính					
		Đối với chỉ tiêu số vụ vi phạm hành chính, đề nghị BTP nghiên cứu tiếp thu ý kiến của BTC tại Công văn số 4038/BTC-PC ngày 25/4/2023 về báo cáo	Bộ Tài chính	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		đánh giá tình hình thực hiện Thông tư 10/2017/TT-BTP.					
	127	Các chỉ tiêu tại mục 20. Xử lý vi phạm hành chính: từ ngày 01/6/2015, Tòa án nhân dân cấp cao đã chính thức hoạt động. Vì vậy, đề nghị cân nhắc bổ sung cơ quan này vào phân tổ chủ yếu đối với các chỉ tiêu này.	Bộ Khoa học và Công nghệ			x	Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023, quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã quy định cụ thể: “ <i>Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước: Ghi cụ thể tên của cơ quan/đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo.</i> ”.
	128	Tại tiểu mục 2004 phụ lục II cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa lại quy định về khái niệm về tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính. Lý do: dự thảo đã quy định đầy đủ tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 điều 83 (ko cần thiết quy định thêm “theo quy định tại khoản 1 điều 83 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).	STP Hà Nam			x	Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành VBQPPL quy định VBQPPL không quy định lại các nội dung đã được quy định trong VBQPPL khác. Tuy nhiên, do đối tượng áp dụng của Thông tư là cơ quan tư pháp địa phương. Nên để đảm bảo văn bản ban hành được thực hiện hiệu quả cần phải quy định như vậy để đảm bảo không trái với quy định tại Luật ban hành VBQPPL
	129	Tại tiểu mục 2003, tiểu mục 2006, tiểu mục 2007 phụ lục II đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung thêm cho đầy đủ	STP Hà Nam	x			Tiếp thu theo hướng sửa thống nhất thành “ <i>Luật Xử lý vi phạm hành</i>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		“Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020”					<i>chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)”</i>
130		Tại Chỉ tiêu số 20 Phụ lục II trang số 51 Phụ lục 2 đính kèm dự thảo Thông tư trình bày dẫn chiếu “Luật Xử lý vi phạm hành chính” chưa thống nhất, cụ thể: Tại điểm 1.1, khoản 1, Mã số 2001. Số vụ vi phạm hành chính dẫn chiếu “ <i>Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012</i> ” (đoạn 1), “ <i>Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)</i> ” (đoạn 2, 3). Tại điểm 1.1, khoản 1, Mã số 2003. Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính dẫn chiếu “ <i>Luật Xử lý vi phạm hành chính</i> ”... Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh nội dung này cho thống nhất.	Sở Tư pháp Tp Hồ Chí Minh	x			
131		- Gạch đầu dòng thứ nhất Mục 1.2 mã số 2001 có nêu phương pháp tính: “ <i>Vụ vi phạm hành chính bao gồm vụ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc vụ bị phát hiện nhưng chưa bị lập biên bản vi phạm hành chính</i> ”. Đề nghị làm rõ phương pháp tính này có bao gồm vụ vi phạm hành chính thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản theo quy định tại Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hay không.	Sở Tư pháp Hải Phòng	x			Tiếp thu theo hướng: “ <i>Số vụ vi phạm hành chính bao gồm những vụ vi phạm đã lập biên bản vi phạm hành chính (đã ra hoặc chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) và những vụ vi phạm không lập biên bản theo quy định tại Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi bổ sung năm 2020)</i> ”

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	132	<p>Về chỉ tiêu số vụ vi phạm hành chính (mã số 2001)</p> <p>Tiểu mục 1.2 Mục 1 chỉ tiêu số vụ vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định phương pháp tính: “<i>Vụ vi phạm hành chính bao gồm vụ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc vụ bị phát hiện nhưng chưa bị lập biên bản vi phạm hành chính</i>”. Để bảo đảm chính xác, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa lại thành “<i>Vụ vi phạm hành chính bao gồm vụ <u>vi phạm</u> đã bị lập biên bản vi phạm hành chính <u>mà</u> chưa ra <u>quyết định xử phạt vi phạm hành chính</u> và vụ <u>vi phạm</u> đã bị ra <u>quyết định xử phạt vi phạm hành chính</u>”.</i></p>	Cục QLXLVPHC	x			Tiếp thu theo hướng: “ <i>Số vụ vi phạm hành chính bao gồm những vụ vi phạm đã lập biên bản vi phạm hành chính (đã ra hoặc chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) và những vụ vi phạm không lập biên bản theo quy định tại Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi bổ sung năm 2020)</i> ”
	133	<p>Về chỉ tiêu số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính (mã số 2002)</p> <p>Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau đây: Thứ nhất, tiểu mục 1.1 Mục 1 chỉ tiêu số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định khái niệm: “<i>Cá nhân bị xử phạt là người chưa thành niên; người đã thành niên (người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên; người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi vi phạm hành chính)</i>”. <i>Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa thuật ngữ “người đã thành</i></p>	Cục QLXLVPHC	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p><i>niên” thành “người thành niên” để bảo đảm phù hợp với Điều 20 Bộ luật Dân sự và thống nhất về thuật ngữ được sử dụng tại phần chú thích tại quy định nói trên.</i></p> <p><i>Thứ hai, mục 2 chỉ tiêu số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định phân tổ chủ yếu gồm: “Đối tượng bị xử phạt (cá nhân; tổ chức) và người thành niên, người chưa thành niên (đối với cá nhân)”. Để bảo đảm đầy đủ và thống nhất với Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung phân tổ chủ yếu “đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)”.</i></p>					
	134	<p>Tại Phụ lục II. Nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tư pháp, Dự thảo quy định phương pháp tính chỉ tiêu số 2002. Số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính “Nếu trong kỳ thống kê, 01 đối tượng bị xử phạt (cá nhân hoặc tổ chức) vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì vẫn chỉ tính là 01 đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính.”. Quy định này được hiểu rằng số đối tượng vi phạm</p>	STP Hà Nội	x			<p>Tiếp thu theo hướng bỏ quy định “Số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính phải lớn hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính đã bị xử phạt và lớn hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã được ban hành” vì đây không phải là phương pháp tính mà nội dung này chỉ phản ánh tính logic của số liệu</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		trong kỳ thống kê có thể nhỏ hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính đã bị xử phạt và nhỏ hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã được ban hành. Tuy nhiên cũng tại Phụ lục cũng lại quy định “Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là cá nhân, tổ chức đã bị người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định” và “Số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính phải lớn hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính đã bị xử phạt và lớn hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã được ban hành”. Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc quy định các nội dung này cho thống nhất, đảm bảo việc thống kê số liệu được thuận tiện.					nhưng cũng không đảm bảo tính logic
	135	Đối với chỉ tiêu thống kê “2002. Số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính Phương pháp tính đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính: nếu 01 đối tượng bị xử phạt (cá nhân hoặc tổ chức) vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì vẫn chỉ tính là 01 đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính thì số đối tượng bị xử phạt VPHC không thể lớn hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt. Do đó, đề nghị sửa đổi như sau: “Số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính phải lớn hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính đã bị xử phạt và có thể	Sở Tư pháp Khánh Hòa	x			Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này đi vì đây không phải là phương pháp tính mà nội dung này chỉ phản ánh tính logic của số liệu nhưng cũng không đảm bảo tính logic

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>lớn hơn hoặc bằng hoặc ít hơn số quyết định xử phạt đã được ban hành".</i>					
	136	Đối với chỉ tiêu thống kê “2003. Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính” Phương pháp tính số quyết định xử phạt vi phạm hành chính: đề nghị sửa đổi như sau: <i>"Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải lớn hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính đã bị xử phạt và có thể nhỏ hơn hoặc bằng hoặc nhiều hơn số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính".</i>	Sở Tư pháp Khánh Hòa	x			Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này đi vì đây không phải là phương pháp tính mà nội dung này chỉ phản ánh tính logic của số liệu nhưng cũng không đảm bảo tính logic
	137	Tại stt 2003. Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư, quy định: "Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa thi hành xong là quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà đối tượng bị xử phạt chưa thi hành xong hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính". Theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp làm rõ đối với nội dung "đối tượng bị xử phạt chưa thi hành xong" có bao gồm trường hợp đối tượng xử phạt chưa nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính hay không (đối tượng chưa có căn cứ để thi hành quyết định xử phạt), để thuận lợi cho đơn vị phụ trách thống kê, tổng hợp thực hiện.	Bộ Tài chính	x			
	138		Sở Tư pháp Lào Cai		x		- Đối với ý a:

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>Đối với chỉ tiêu số 20 trong Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp được quy định tại Phụ lục I và nội dung chỉ tiêu thống kê tại phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư về xử lý vi phạm hành chính:</p> <p>a) Số thứ tự 56 mã số 2003 xác định chỉ tiêu: Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 mục 2003 của phụ lục 2 thì thấy chưa cụ thể rõ ràng. Trong xử lý vi phạm hành chính có trường hợp phát hiện vụ vi phạm hành chính nhưng không ban hành được quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành các quyết định tịch thu tang vật phương tiện vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (theo quy định tại Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính), cần hướng dẫn cụ thể trường hợp này có được thống kê vào mã số 2003 - Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính không?</p> <p>Và để đảm bảo thống nhất với tiêu chí “- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải lớn hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính đã bị xử phạt và nhỏ hơn hoặc bằng số đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính.”</p> <p>Đề nghị chỉnh lý lại công thức tính trong điểm 1.2 khoản 1 mục 2003 của phụ lục 2 quy định về Phương pháp tính: “Công</p>				<p>+ Chỉ tiêu 2003 là chỉ tiêu “Số quyết định xử lý vi phạm hành chính” nên số vụ vi phạm hành chính nhưng không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không thuộc đối tượng thu thập của chỉ tiêu.</p> <p>+ Đối với tiêu chí “Số QĐ xử phạt VPHC phải lớn hơn hoặc bằng số vụ vi phạm hành chính...” tiếp thu theo hướng bỏ đi như hướng đã tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp Khánh Hòa đối với chỉ tiêu 2003</p> <p>- Đối với ý b:</p> <p>+ Dự thảo Thông tư đã quy định rõ “Số tiền phạt thu được là tổng số tiền phạt vi phạm hành chính thực tế thu được từ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính tính đến thời điểm thống kê”.</p> <p>+ Tiếp thu ý kiến quy định cụ thể hơn việc thống kê cả số tiền của quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính</p>	

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p><i>thực tính: Số quyết định xử phạt trong kỳ thống kê = Số quyết định đã được thi hành + Số quyết định chưa thi hành xong.</i></p> <p>b) Số thứ tự 57 mã số 2004 xác định chỉ tiêu: Số tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính:</p> <p>Đề nghị quy định cụ thể: Số tiền được thống kê trong chỉ tiêu này theo số tiền thực tế đã thi hành được hay thống kê theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thống kê cả số tiền của quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hay chỉ thống kê số tiền phạt của quyết định xử phạt không bao gồm tiền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và tiền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.</p>					
	139	<p>Về chỉ tiêu số quyết định xử phạt vi phạm hành chính (mã số 2003): Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau đây:</p> <p>Thứ nhất, tiểu mục 1.1 Mục 1 chỉ tiêu số quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định về khái niệm “số quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa thi hành xong”. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung lưu ý “số quyết định</p>	Cục QLXLVPHC		x		<p>Đối với ý kiến 1: tạm thời để lại vì số liệu cần lũy kế mới đảm bảo và có tính thống nhất trong toàn thông tư</p> <p>- Đối với ý kiến 2,3: tiếp thu toàn bộ, riêng nội dung cuối của ý 2 tiếp thu thành “<i>Đối với những trường hợp chỉ xử phạt tiền, nếu đối tượng bị xử phạt được miễn phần tiền phạt còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt vi</i></p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>chưa thi hành xong được tính trong kỳ thống kê, không tính lũy kế số quyết định chưa thi hành xong từ năm trước (nếu có)".</p> <p>Thứ hai, tiêu mục 1.2 Mục 1 chỉ tiêu số quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định phương pháp tính: “Số quyết định bị hoãn thi hành phải nhỏ hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã ban hành”; “Số quyết định được giảm, miễn tiền phạt còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt phải nhỏ hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã ban hành”; “Trường hợp đối tượng xử phạt được miễn tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính giảm tiền phạt theo Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính được coi là đã được thi hành”. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa các nội dung trên thành “Số quyết định bị hoãn thi hành quyết định phạt tiền phải nhỏ hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã ban hành”; “Số quyết định được giảm, miễn tiền phạt còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt phải nhỏ hơn hoặc bằng số quyết định xử phạt đã ban hành”; “Trường hợp đối tượng bị xử phạt được miễn phần tiền phạt còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt ghi</p>					<p><u>phạm hành chính</u> theo Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính được coi là đã thi hành xong”</p>

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<p>trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính được coi là đã được thi hành” để bảo đảm phù hợp với thuật ngữ được quy định tại Điều 76 và Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p> <p>Thứ ba, mục 2 chỉ tiêu 2003 số quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định phân tổ chủ yếu: “Loại quyết định (quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền; bị cưỡng chế thi hành; bị khiếu nại; bị khởi kiện)”. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa nội dung trên thành “Loại quyết định (quyết định hoãn, giảm, miễn tiền phạt; bị cưỡng chế thi hành; bị khiếu nại; bị khởi kiện)” để bảo đảm phù hợp với thuật ngữ được quy định tại Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p>					
	140	<p>Về chỉ tiêu số tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (mã số 2004)</p> <p>Mục 1 chỉ tiêu số tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định như sau: “Số tiền phạt thu được là tổng số tiền phạt vi phạm hành chính thực tế thu được từ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính</p>	Cục QLXLVPHC	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		<i>ting đến thời điểm thống kê”. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa nội dung trên thành “Số tiền phạt thu được là tổng số tiền phạt vi phạm hành chính đã thực tế thu được từ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ thống kê” để bảo đảm chính xác.</i>					
	141	<i>Về chỉ tiêu số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (mã số 2006)</i> Tiểu mục 1.1 Mục 1 chỉ tiêu số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Thông tư quy định khái niệm: “ <i>Đối tượng được áp dụng biện pháp thay thế giáo dục dựa vào cộng đồng là người chưa thành niên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 140a Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012</i> ”. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa nội dung trên thành “ <i>Đối tượng được áp dụng biện pháp thay thế giáo dục dựa vào cộng đồng là người chưa thành niên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 140a Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)</i> ” để bảo đảm chính xác.	Cục QLXLVPHC	x			

Stt	Stt ý kiến	Nội dung	Đơn vị đề xuất	Mức độ tiếp thu		Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
				Toàn bộ	Một phần		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3.2		<i>Theo dõi tình hình thi hành pháp luật (không có ý kiến góp ý)</i>					